

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 212/2025/HSST

Ngày: 24/4/2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Cao Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Luận

Bà Mai Thị Tiếp

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Yên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 181/TLHS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2025/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 57/2025/HSST-QĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị N, sinh ngày 13/02/1988; Giới tính: Nữ; CCCD 038188019037; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: số F H, phố Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Gia M, sinh năm 1963; Con bà: Nguyễn Thị N1, sinh năm 1963; Chồng: Dương Anh T, sinh năm 1984; Có 01 con, sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/11/2024, chuyển tạm giam từ ngày 26/11/2024 đến ngày 17/12/2024 hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “tạm giam”, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên toà

2. Nguyễn Đức T1, sinh ngày 19/10/1992; Giới tính: Nam; CCCD 038092014742; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: số C tổ A, phố T, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Đức C, sinh năm 1953; Con bà: Nguyễn Thị T2, sinh năm 1957; Vợ: Lương Thị T3, sinh năm 2000; Có 01 con sinh năm 2025; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/11/2024 đến ngày 26/11/2024, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ”, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú,

có mặt tại phiên toà

3. Đoàn Thùy D, sinh ngày 26/7/1999, Giới tính: Nữ; CCCD 038199010958; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: số B N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Đoàn Văn O, sinh năm 1975; Con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; Chồng: Lê Hồng Đ, sinh năm 1999; Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2023;

Tiền án: Ngày 08 đến ngày 13/01/2021, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng, về tội “Gây rối trật tự công cộng”; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/11/2024 đến ngày 26/11/2024, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ”, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên toà

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Hồng Đ, sinh năm 1999

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: số B N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa;

Người làm chứng:

Nguyễn Văn V, sinh năm 1981; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Phố T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

Lương Thị P, sinh năm 2005; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn X, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 16/11/2024, Tổ công tác Công an tỉnh T tiến hành kiểm tra hành chính tại nhà nghỉ N2, ở số D H, phường Đ, thành phố T, do Nguyễn Thị N là quản lý. Quá trình kiểm tra, phát hiện tại phòng 301 có Nguyễn Văn V sinh năm 1981, trú tại phố T, phường Đ, thành phố T đang chuẩn bị quan hệ tình dục, mua bán dâm với Lương Thị P, sinh ngày 27/04/2005, trú tại thôn X, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa đồng thời tạm giữ Đoàn Thùy D là người chở chị P đến bán dâm đang ngồi chờ ở phía sau nhà nghỉ. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt quả tang, thu giữ tang vật.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị N khai nhận: Nhà nghỉ Ngọc S là do ông Nguyễn Gia M (bố đẻ N), sinh năm 1963, trú tại phố Đ, phường Đ, thành phố T, đứng tên đăng ký kinh doanh. Thời gian gần đây, ông M giao lại nhà nghỉ N2 để N quản lý.

Do có mục đích vụ lợi và có quen biết xã hội với Nguyễn Đức T1 nên khi T1 thỏa thuận về việc nếu có khách mua dâm liên hệ với T1 để T1 đưa gái bán dâm đến nhà nghỉ, một lượt bán dâm với giá 250.000 đồng, N trả tiền trực tiếp cho gái bán dâm hoặc đưa tiền cho người chở gái bán dâm đến thì N đồng ý.

Đến khoảng 21 giờ 45 phút ngày 16/11/2024, N đang ở quầy lễ tân, có Nguyễn Văn V đến đặt vấn đề mua dâm, N báo giá 400.000 đồng/01 lượt mua dâm, V đồng ý. V đưa cho N số tiền 500.000 đồng, N trả lại cho V 100.000 đồng và đưa chìa khóa phòng 301 bảo lên phòng đợi gái bán dâm. Sau đó, N gọi điện cho Nguyễn Đức T1 điều gái bán dâm đến nhà nghỉ để bán dâm cho khách. Một lúc sau, Đoàn Thùy D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát 36B8-673.00 chở Lương Thị P đến. Tại đây, N nói P lên phòng 301 bán dâm cho khách, D ngồi phía sau nhà nghỉ chờ. Trong lúc V và P đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị tổ công tác kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang.

Theo khai nhận của Nguyễn Đức T1: Do không có việc làm ổn định nên T1 nảy sinh ý định nuôi gái bán dâm để phục vụ khách có nhu cầu mua dâm tại các nhà nghỉ trên địa bàn thành phố. Qua quen biết xã hội, T1 biết Lương Thị P đã từng là gái bán dâm và có nhu cầu bán dâm nên T1 thỏa thuận với P, T1 sẽ nuôi ăn, ở, khi nào có khách mua dâm, P đi bán dâm theo yêu cầu của T1, mỗi lượt bán dâm, T1 trả cho chị P 120.000 đồng, P đồng ý. Sau khi có gái bán dâm, T1 liên hệ thuê Đoàn Thùy D (cháu ruột) chở gái bán dâm đến các nhà nghỉ trên địa bàn thành phố T để bán dâm, một ngày T1 trả cho D 150.000 đồng, D đồng ý.

Đối với ông Nguyễn Gia M chủ nhà nghỉ N2 không biết việc N sử dụng nhà nghỉ để thực hiện hành vi chứa mại dâm và anh Đặng Sĩ T4, sinh năm 1980, trú tại số A Ỗ, T, phường Đ, thành phố T chủ quán phở có địa chỉ tại số E Bà T, phường Đ, thành phố T không biết việc T1 mượn phòng để cho P ở nhằm mục đích thực hiện hành vi bán dâm nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Đối với hành vi mua dâm của Nguyễn Văn V và hành vi bán dâm của Lương Thị P, Cơ quan điều tra đã chuyển đến Công an thành phố T quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Về thu giữ vật chứng và xử lý: Đối với 10 bao cao su, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda VISION biển kiểm soát 36B8-673.00 và số tiền 500.000 đồng, VKSND thành phố Thanh Hóa quyết định chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa chờ xử lý theo quy định pháp luật.

Cáo trạng số 114/CT-VKS ngày 26/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa truy tố bị cáo Nguyễn Thị N, về tội “Chứa mại dâm”, quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Đức T1, Đoàn Thùy D về tội “Môi giới mại dâm”, quy định tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Chứa mại dâm”, các bị cáo Nguyễn Đức T1, Đoàn Thùy D phạm tội “Môi giới mại dâm”

Căn cứ: Khoản 1, khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Thị N từ 18 (mười tám) tháng tù đến 21 (hai

một) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 (ba sáu) tháng đến 42 (bốn hai) tháng; phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Đức T1 từ 15 (mười lăm) tháng tù đến 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 (ba mươi) tháng đến 36 (ba sáu) tháng; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 328; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 5 Điều 65; Điều 55; Điều 56 Bộ luật hình sự, xử phạt Đoàn Thùy D từ 09 (chín) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù; tổng hợp với hình phạt của bản án HSST số 05 ngày 08-13/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt bị cáo 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, về tội “Gây rối trật tự công cộng”; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 33 (ba ba) tháng tù đến 36 (ba sáu) tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 400.000đ là tiền do phạm tội mà có, trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị N số tiền 100.000đ được đựng bên trong phong bì thư niêm phong, có hình dấu của Công an phường Đ, kèm các chữ kí, chữ viết của Vũ Huy Á, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị T5, Khương Văn L. Theo biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T,

Tịch thu tiêu huỷ 10 (Mười) bao cao su chưa qua sử dụng là vật chứng của vụ án

Tịch thu sung quỹ Nhà nước một xe máy nhãn hiệu honda, số loại: Vision; Biển kiểm soát: 36B8-673.00; màu sơn: đỏ - đen, số máy: JK03E7630455; số khung: RLHJK0323NZ010519. Xe không có gương chiếu hậu, mặt nạ xe bị bong, được gắn lại bằng thép mỏng. Xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy móc bên trong, thu giữ của Đoàn Thùy D.

Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy vì đây là tài sản chung của vợ chồng.

Lời sau cùng các bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, Quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố T, Viện kiểm sát nhân dân

thành phố Thanh Hoá, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ 45 phút ngày 16/11/2024, Nguyễn Thị N là người quản lý nhà nghỉ, đã liên lạc với Nguyễn Đức T1 cho Lương Thị P đến bán dâm cho Nguyễn Văn V tại nhà nghỉ N2, ở số D H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa thu lời bất chính số tiền 150.000đ nên hành vi của Nguyễn Thị N đã cấu thành tội “Chứa mại dâm” quy định tại khoản 1 Điều 327 BLHS. Bị cáo Nguyễn Đức T1 và Đoàn Thùy D có hành vi trung gian, dẫn dắt giúp cho Lương Thị P đi bán dâm để cùng hưởng lợi số tiền 250.000đ nên cấu thành tội “Môi giới mại dâm” quy định tại khoản 1 Điều 328 BLHS

[3] Xét tính chất, mức độ của vụ án thấy rằng: Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước trong việc phòng chống tệ nạn xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến thần phong mỹ tục của dân tộc và đạo đức lối sống của người Việt Nam. Do đó phải tuyên các bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với hành vi, hậu quả mà các bị cáo đã gây ra theo đúng quy định của pháp luật, nhằm răn đe giáo dục, phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò của các bị cáo: Trong tội “Môi giới mại dâm”, các bị cáo thực hiện mang tính đồng phạm giản đơn, Nguyễn Đức T1 là người chủ động liên hệ với Nguyễn Thị N để đặt vấn đề cho Lương Thị P bán dâm, khi được N thông báo có khách mua dâm thì T1 chỉ đạo Đoàn Thùy D đưa đón Lương Thị P đi bán dâm, nên Nguyễn Đức T1 giữ vai trò cao hơn Đoàn Thùy D với vai trò là người giúp sức. Đối với bị cáo Nguyễn Thị N là người quản lý nhà nghỉ, đã liên lạc với Nguyễn Đức T1 cho Lương Thị P đến bán dâm cho Nguyễn Văn V nên chịu trách nhiệm về tội “Chứa mại dâm”.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đoàn Thùy D ngày 08 đến ngày 13/01/2021, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng, về tội “Gây rối trật tự công cộng”, bị cáo chưa chấp hành xong thời gian thử thách lại phạm tội mới nên chịu tình tiết “tái phạm”, quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Đức T1, Đoàn Thùy D đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Đức T1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đến cơ quan điều tra đầu thú, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Nguyễn Thị N có bố chồng là Liệt sĩ, mẹ chồng được tặng Huy hiệu 40 năm tuổi đảng, bản thân bị cáo được Chủ tịch UBND thành phố tặng danh hiệu Lao động tiên tiến năm 2017-2018, đã tham gia ủng hộ cho học sinh, đồng bào bị bão lụt đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất vụ án, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của từng bị cáo thì thấy: Nguyễn Thị N, Nguyễn Đức T1 có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo T1 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng Điều 65 BLHS cho các bị cáo hưởng án treo cải tạo tại địa phương trở thành người có ích cho xã hội. Bị cáo Đoàn Thị D1 phạm tội trong thời gian thử thách, vì vậy buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo trở thành người có ích cho xã hội;

[6] Về hình phạt bổ sung: Đối với bị cáo Nguyễn Thị N quản lý nhà nghỉ phạm tội với mục đích thu lời bất chính nên phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng, các bị cáo Nguyễn Đức T1, Đoàn Thị D1 không có công việc, thu nhập ổn định, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng: Đối với số tiền 500.000đ được đựng bên trong phong bì thư niêm phong, có hình dấu của Công an phường Đ, kèm các chữ kí, chữ viết của Vũ Huy Á, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị T5, Khương Văn L. Theo biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 400.000đ là tiền do phạm tội mà có, trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị N số tiền 100.000đ

Đối với 10 (Mười) bao cao su chưa qua sử dụng là vật chứng thu giữ của vụ án tịch thu tiêu hủy

Đối với một xe máy nhãn hiệu honda, số loại: Vision; Biển kiểm soát: 36B8-673.00; màu sơn: đỏ - đen, số máy: JK03E7630455; số khung: RLHJK0323NZ010519 là tài sản chung của giữa bị cáo Đoàn Thùy D và anh Lê Hồng Đ.

Tại phiên tòa anh Lê Hồng Đ đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho anh ½ giá trị chiếc xe máy. Xét thấy đây là phương tiện bị cáo Đoàn Thùy D (bị cáo đứng tên chủ phương tiện) dùng vào việc phạm tội nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước

[8] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1, khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Thị N

Căn cứ: Khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Đức T1

Căn cứ: Khoản 1 Điều 328; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 5 Điều 65; Điều 55; Điều 56 Bộ luật hình sự đối với Đoàn Thùy D

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Chứa mại dâm”, các bị cáo Nguyễn Đức T1, Đoàn Thùy D phạm tội “Môi giới mại dâm”,

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị N 21 (hai một) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 42 (bốn hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Bị cáo Nguyễn Đức T1 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Bị cáo Đoàn Thùy D 09 (chín) tháng tù, tổng hợp với hình phạt của bản án HSST số 05 ngày 08-13/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt bị cáo 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, về tội “Gây rối trật tự công cộng”; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 33 (ba ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 17/11/2024 đến ngày 26/11/2024).

Giao bị cáo Nguyễn Thị N cho Công an phường Đ, UBND phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Đức T1 cho Công an phường N, UBND phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68; Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị N 10.000.000 (mười triệu) đồng; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Đức T1, Đoàn Thùy D1.

Về vật chứng: Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 400.000đ là tiền do phạm tội mà có, trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị N số tiền 100.000đ được đựng bên trong phong bì thư niêm phong, có hình dấu của Công an phường Đ, kèm các chữ kí, chữ viết của Vũ

Huy Á, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị T5, Khương Văn L. Theo biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T,

Tịch thu tiêu huỷ 10 (Mười) bao cao su chưa qua sử dụng là vật chứng của vụ án

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước một xe máy nhãn hiệu honda, số loại: Vision; Biển kiểm soát: 36B8-673.00; màu sơn: đỏ - đen, số máy: JK03E7630455; số khung: RLHJK0323NZ010519. Xe không có gương chiếu hậu, mặt nạ xe bị bong, được gắn lại bằng thép mỏng. Xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy móc bên trong, thu giữ của Đoàn Thù D.

Toàn bộ số vật chứng trên đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng số: 95/2025/THA ngày 28/02/2025 giữa Công an thành phố T và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hoá.

Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Mục 1 phần I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Đức T1, Đoàn Thù D mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án của Tòa án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND Tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Sở Tư Pháp
- Văn phòng CSĐT Công an, tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục Thi hành án TP Thanh Hoá;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Cao Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Luận Mai Thị Tiếp

Cao Văn Tuấn